



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 25 /2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng và quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 33/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với các công trình thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng và quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo

ngiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Phân cấp thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh, gồm: quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công; quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Điều chỉnh thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gồm: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương), Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Chương II

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI. QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG, DỰ ÁN SỬ DỤNG CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KHÁC KHÔNG THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ CÔNG DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Điều 2. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Điều chỉnh thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư kinh doanh có công trình ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng giữa các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành với cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án có công trình cấp III được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của xã (trừ dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc

bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

2. Trường hợp dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 xã trở lên và thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được điều chỉnh thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền thẩm định là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 3. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

1. Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trình thẩm định, thẩm định điều chỉnh đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ trì thẩm định theo thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình thẩm định, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được thực hiện như hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại cơ quan chuyên môn về xây dựng, Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

3. Trình tự thẩm định, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được thực hiện như trình tự thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng, Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

4. Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định, thẩm định điều chỉnh trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng được thực hiện như quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Chương III QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 4. Phân cấp quản lý trật tự xây dựng (trừ công trình bí mật nhà nước)

Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trật tự xây dựng đối với công trình xây dựng trên địa bàn hành chính của xã theo quy định của pháp luật và phân cấp tại Quyết định này.

Điều 5. Phân cấp tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng (file mềm hoặc bản giấy) đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng (file mềm hoặc bản giấy) đối với các công trình thuộc thẩm quyền quản lý trật tự của Ủy ban nhân dân cấp xã và các công trình trên địa bàn hành chính của xã.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong quản lý trật tự xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành chung công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; theo dõi, nắm bắt tình hình trật tự xây dựng, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp để chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến quản lý trật tự xây dựng;

b) Đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn khi tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân, báo chí hoặc phát hiện trong quá trình giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo;

c) Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý trật tự xây dựng tại các cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với các công trình nằm trên địa bàn do cấp xã quản lý; tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Gửi giấy phép xây dựng, kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi do Sở Xây dựng thực hiện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng để phối hợp quản lý.

2. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra công tác trật tự xây dựng đối với các công trình chuyên ngành được giao quản lý theo quy định; tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo quy định pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Gửi kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi do Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng để phối hợp quản lý.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban quản lý Khu du lịch Quốc gia:

a) Chịu trách nhiệm về công tác quản lý trật tự xây dựng trong phạm vi, diện tích được giao quản lý; thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra việc xây dựng công trình của các tổ chức, cá nhân, đảm bảo việc xây dựng công trình theo đúng quy hoạch được duyệt, giấy phép xây dựng được cơ quan có thẩm

quyền cấp và thiết kế được duyệt; kịp thời phát hiện, ghi nhận, ngăn chặn các hành vi vi phạm trật tự xây dựng; thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định và phối hợp để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng trong phạm vi quản lý;

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh gửi giấy phép xây dựng, kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thực hiện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng để phối hợp quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức thực hiện việc quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình được phân cấp theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng, tình hình vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn quản lý;

b) Trường hợp phát hiện vi phạm trật tự xây dựng tại công trình xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện vi phạm có trách nhiệm kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để phối hợp kiểm tra xử lý vi phạm. Việc xử lý vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện vi phạm đầu tiên chủ trì thực hiện;

c) Kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm về trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền đối với các công trình xây dựng thuộc địa bàn quản lý;

d) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn; thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Cử cán bộ, công chức tham gia kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu của cơ quan có liên quan.

5. Công an tỉnh, Công an cấp xã: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định pháp luật để kịp thời ngăn chặn, xử lý đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xử lý vi phạm trật tự xây dựng.

6. Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp kịp thời xử lý các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng theo lĩnh vực quản lý.

Chương IV **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, THI CÔNG XÂY DỰNG** **VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 7. Phân cấp trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, đối với các công trình xây dựng

trong các khu công nghiệp được giao quản lý:

a) Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình quy định tại điểm a khoản này chưa xác định được chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, đối với các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý (trừ các công trình quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình quy định tại điểm a khoản này chưa xác định được chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.

Điều 8. Phân cấp tiếp nhận thông tin đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thực hiện tiếp nhận thông tin đối với hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng tại địa bàn được giao quản lý.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận thông tin đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng có cấp công trình từ cấp II trở lên xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng theo chuyên ngành được giao quản lý quy định tại khoản 5 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (trừ các công trình được quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tiếp nhận thông tin đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng có cấp công trình từ cấp III trở xuống xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng trên địa bàn quản lý (trừ các công trình được quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 9. Phân cấp xử lý đối với công trình hết hạn sử dụng theo thiết kế

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thực hiện xử lý đối với công trình hết hạn sử dụng theo thiết kế, xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình tại địa bàn được giao quản lý.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện xử lý đối với công trình xây dựng có cấp công trình từ cấp II trở lên hết hạn sử dụng theo thiết kế, xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình thuộc các công trình chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 5 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (trừ các công trình được quy định tại

khoản 1 Điều này).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xử lý đối với công trình xây dựng có cấp công trình từ cấp III trở xuống hết hạn sử dụng theo thiết kế, xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình trên địa bàn quản lý (trừ các công trình được quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 10. Phân cấp giải quyết sự cố công trình xây dựng

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng có cấp công trình từ cấp III trở xuống trên địa bàn quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng các công trình chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 5 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP quy định cụ thể các cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện các công việc sau:

a) Chủ trì thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, được đầu tư xây dựng trên địa bàn (trừ công trình do Thủ tướng Chính phủ giao cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra và công trình quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 26 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP);

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình xây dựng có cấp công trình từ cấp II trở lên thuộc các công trình chuyên ngành quản lý;

c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng thuộc các công trình chuyên ngành quản lý (trừ các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành);

d) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phá dỡ công trình xây dựng đối với trường hợp phải phá dỡ; quyết định cưỡng chế phá dỡ và tổ chức thực hiện phá dỡ công trình được quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 44 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng, công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; xử lý, kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với công trình theo chuyên ngành quản lý.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

a) Thực hiện kiểm tra việc khai báo, giải quyết sự cố do máy, thiết bị và báo cáo tình hình sự cố theo quy định tại khoản 6 Điều 50 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP đối với các công trình trên địa bàn được giao quản lý;

b) Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng, công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; xử lý, kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan trên địa bàn được giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn quản lý

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra việc khai báo, giải quyết sự cố do máy, thiết bị và báo cáo tình hình sự cố theo quy định tại khoản 6 Điều 50 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP (trừ các trường hợp được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này);

b) Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng, công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; xử lý, kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan trên địa bàn.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất việc thực hiện Quyết định này đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; kịp thời xử lý vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

2. Giám đốc các cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự và đảm bảo điều kiện cần thiết để thực hiện trách nhiệm được phân cấp theo đúng Quyết định này và các quy định nhà nước hiện hành liên quan.

3. Những quy định khác có liên quan đến phân cấp công tác quản lý nhà nước về thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp hoặc trình cấp thẩm quyền xem xét, giải quyết.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026 và thay thế Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phân cấp một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng./. *lau*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Bộ Xây dựng (Vụ Pháp chế);
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 12;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Hải